TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **09**/2023/HNGĐ-ST Ngày: 31-01-2023 V/v: "Ly hôn"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thanh Phương.

2. Ông Hoài Đức Huệ.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 531/2022/TLST-HNGĐ ngày 01/11/2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1149/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1969.

Bị đơn: Ông Đào Thế H, sinh năm 1962.

Cùng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 170, đường H, khu phố PM, thị trấn HP, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/7/2022 và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Lê Thị Kim L trình bày: Bà và ông Đào Thế H chung sống với nhau từ năm 1988, đến năm 2006 thì vợ chồng mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HP (nay là thị trấn HP), huyện N, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 95/2006 ngày 14/7/2006. Việc kết hôn do cả hai tự

nguyện. Vợ chồng chung sống với nhau một thời gian thì bà L phát hiện ra tính tình hai vợ chồng không phù hợp, bất đồng quan điểm sống về nhiều mặt nên trong cuộc sống hôn nhân không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng không có sự chia sẻ và đồng cảm dẫn đến tình cảm bị rạn nứt. Vợ chồng cố gắng hòa giải, hàn gắn nhưng không có kết quả. Bà L nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đào Thế H.

Về con chung: Bà L và ông H có 02 con chung là Đào Diễm P, sinh ngày 12/4/1989 và Đào Phi T, sinh ngày 03/7/1995. Con chung Đào Diễm P đã trưởng thành và đã lập gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn đối với con chung Đào Phi T tuy đã đến tuổi trưởng thành nhưng chậm phát triển từ nhỏ và theo kết luận của Bệnh viện tâm thần Trung ương II: Anh T chậm phát triển tâm thần nặng (ICD10;F20); anh T sống chung với cha mẹ từ nhỏ. Nay bà L và ông H ly hôn, bà L có nguyện vọng nuôi anh T và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà L khai vợ chồng tự thỏa thuận, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L khai vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 30/01/2023.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo giao nộp chứng cứ, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Đào Thế H nhưng ông H không cung cấp lời khai và cũng không đến Tòa án làm việc nên không ghi nhận được ý kiến

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, xử cho bà L được ly hôn với ông H. Về con chung: Đề nghị Tòa án giao con chung là Đào Phi T, sinh ngày 03/7/1995 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Đào Diễm P đã trưởng thành nên không xét. Về tài sản chung: Bà L khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về nợ chung: Bà L khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Kim L khởi kiện ly hôn với ông Đào Thế H, ông H hiện đang cư trú tại: Số nhà 170, đường H, khu phố PM, thị trấn HP, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện N đúng theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt; ông H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà L và ông H.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim L và ông Đào Thế H có đăng ký kết hôn, trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã HP (nay là thị trấn HP), huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 95/2006 ngày 14 tháng 7 năm 2006 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông H. Tại các biên bản làm việc tại Tòa, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông H.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông H đến Tòa án để lấy ý kiến và hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông H không chấp hành mà không có lý do, thể hiện ông H không có thiện chí hàn gắn xây dựng hạnh phúc gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Kim L là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ: Trong đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa, bà L đều cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Xét quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, cho bà L được ly hôn với ông H là phù hợp với quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà L và ông H có 02 con chung là Đào Diễm P, sinh ngày 12/4/1989 và Đào Phi T, sinh ngày 03/7/1995. Con chung Đào Diễm P đã trưởng thành và đã lập gia đình riêng, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét. Đối với con chung Đào Phi T tại hồ sơ thể hiện: anh T đã đến tuổi trưởng thành nhưng chậm phát triển từ nhỏ, theo kết luận của Bệnh viện tâm thần Trung ương II: Anh T chậm phát triển tâm thần nặng (ICD10;F20); anh T sống chung với cha mẹ từ nhỏ. Hồ sơ thể hiện bà L có nguyện vọng nuôi con chung là anh Đào Phi T và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chung của bà L là hoàn toàn phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao

con chung là anh Đào Phi T cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà L khai vợ chồng tự thỏa thuận, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: Bà L khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Ly hôn" của bà Lê Thị Kim L đối với ông Đào Thế H.

Xử cho bà Lê Thị Kim L được ly hôn với ông Đào Thế H

Về con chung: Giao con chung là anh Đào Phi T, sinh ngày 03/7/1995 cho bà Lê Thị Kim L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông Đào Thế H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đào Thế H được quyền đến thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Kim L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0008518 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Bà L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND thị trấn HP;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thu Trang